

DANH SÁCH VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG 06 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển sổ theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
Cộng	Toàn tỉnh		209	209	209	70.407.594	3.544.524	66.863.070	209	209	208	208	208	5	209	196	-
II	Phòng Nghiệp vụ		42	42	42	36.085.385	-	36.085.385	42	42	42	42	42	-	42	42	
1	60	27/11/2012	11	28/05/2018	Theo yêu cầu	823.850	-	823.850	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/10/2021	01/01/1900	30/10/2020	01/11/2021		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
2	30	15/11/2019	29	23/12/2019	Chủ động	11.300	-	11.300	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/01/2022	01/01/1900	13/01/2020	14/01/2022		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
3	73	17/09/2023	30	26/10/2023	Chủ động	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/11/2023	01/01/1900	20/11/2023	20/11/2023		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
4	25	30/08/2019	29	03/12/2020	Theo yêu cầu	149.206	-	149.206	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/01/2023	03/01/1900	01/02/2021	02/02/2023		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
5	30	15/11/2019	36	04/01/2021	Theo yêu cầu	97.500	-	97.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/12/2022	02/01/1900	01/02/2021	20/08/2023		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
6	10	24/12/2020	161	02/02/2021	Chủ động	12.965	-	12.965	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/06/2024	12/01/1900	06/06/2022	10/06/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
7	10	11/03/2021	338	23/04/2021	Chủ động	41.500	-	41.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/08/2023	14/01/1900	19/08/2022	20/08/2023		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
8	23	06/08/2019	404	08/06/2021	Theo yêu cầu	89.400	-	89.400	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/07/2022	06/01/1900	05/08/2021	06/08/2022		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
9	6	17/12/2021	186	18/08/2022	Theo yêu cầu	140.000	-	140.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/09/2024	16/01/1900	12/09/2022	12/09/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
10	6	17/12/2021	192	23/08/2022	Theo yêu cầu	290.000	-	290.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/09/2024	17/01/1900	12/09/2022	12/09/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
11	6	17/12/2021	216	06/09/2022	Theo yêu cầu	260.000	-	260.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/09/2024	19/01/1900	20/09/2022	20/09/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
12	57	23/03/2015	14	23/05/2016	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/02/2018	03/01/1900	19/08/2016	19/08/2016		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	Đính chi một phần
13	13	10/03/2017	1	15/11/2017	Theo yêu cầu	170.722	-	170.722	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/05/2020	06/01/1900	22/05/2018	22/05/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
14	22	18/04/2017	2	15/11/2017	Theo yêu cầu	28.480.000	-	28.480.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/03/2020	05/01/1900	19/03/2018	19/03/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
15	35	26/06/2017	3	12/12/2017	Theo yêu cầu	189.800	-	189.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/01/2020	01/01/1900	23/01/2018	23/01/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
16	49	16/08/2016	4	12/12/2017	Theo yêu cầu	92.600	-	92.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/12/2019	02/01/1900	05/02/2018	05/02/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
17	72	14/09/2015	5	19/12/2017	Theo yêu cầu	37.740	-	37.740	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/03/2021	09/01/1900	06/09/2018	04/09/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
18	13	10/03/2017	6	26/12/2017	Theo yêu cầu	31.785	-	31.785	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/06/2023	21/01/1900	06/07/2023	06/07/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
19	6	23/12/2014	8	06/02/2018	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/09/2021	03/01/1900	12/03/2018	16/09/2021		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
20	6	23/12/2014	9	06/02/2018	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/09/2021	04/01/1900	12/03/2018	16/09/2021		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
21	51	29/09/2017	12	09/07/2018	Theo yêu cầu	66.667	-	66.667	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/08/2020	10/01/1900	06/09/2018	04/09/2020		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
22	310	19/11/2019	25	24/11/2020	Theo yêu cầu	179.000	-	179.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/03/2023	05/01/1900	11/03/2021	12/03/2023		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
23	9	20/03/2019	466	06/09/2021	Theo yêu cầu	250.000	-	250.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/01/2024	05/01/1900	09/03/2022	09/03/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
24	637	10/12/2021	67	11/02/2022	Chủ động	1.269.000	-	1.269.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/06/2023	16/01/1900	05/06/2023	01/08/2025		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
25	42	11/10/2018	176	19/07/2022	Theo yêu cầu	215.666	-	215.666	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/08/2024	15/01/1900	22/08/2022	22/08/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
26	21	11/03/2021	334	23/04/2021	Chủ động	299.095	-	299.095	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/02/2024	03/01/1900	02/03/2023	02/03/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
27	21	11/03/2021	336	23/04/2021	Chủ động	59.700	-	59.700	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/02/2024	04/01/1900	02/03/2023	02/03/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
28	25	02/04/2021	371	10/05/2021	Chủ động	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/08/2025	23/01/1900	22/08/2024	25/08/2025		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
29	15	26/01/2022	84	04/03/2022	Chủ động	40.000	-	40.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	31/05/2024	17/01/1900	05/06/2023	07/06/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
30	31	11/05/2022	76	01/12/2022	Chủ động	40.000	-	40.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/04/2024	10/01/1900	13/04/2023	15/04/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
31	31	11/05/2022	78	01/12/2022	Chủ động	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/05/2024	15/01/1900	24/05/2023	27/05/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
32	25	13/01/2023	140	21/02/2023	Chủ động	964.384	-	964.384	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/03/2024	05/01/1900	17/03/2023	20/03/2024		Nguyễn Văn Phóng	Phòng Nghiệp vụ	
33	26	16/01/2023	142	21/02/2023	Chủ động	257.381	-	257.381	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/12/2023	18/01/1900	03/07/2023	04/07/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
34	26	16/01/2023	143	21/02/2023	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/12/2023	19/01/1900	03/07/2023	04/07/2024		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
35	06	26/11/2022	175	02/06/2023	Theo yêu cầu	80.000	-	80.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/07/2024	20/01/1900	06/07/2023	08/07/2025		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
36	52	21/07/2023	222	06/09/2023	Chủ động	281.275	-	281.275	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/01/2025	04/01/1900	05/01/2024	05/01/2025		Nguyễn Khuông	Phòng Nghiệp vụ	
37	68	06/09/2023	38	26/10/2023	Chủ động	190.463	-	190.463	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/03/2025	09/01/1900	14/03/2024	14/03/2025		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
38	07	28/11/2023	102	23/01/2024	Chủ động	309.595	-	309.595	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/03/2025	08/01/1900	07/03/2024	10/03/2025		Nguyễn Khuông	Phòng Nghiệp vụ	
39	07	28/11/2023	111	30/01/2024	Theo yêu cầu	56.172	-	56.172	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/03/2025	07/01/1900	07/03/2024	11/03/2025		Nguyễn Khuông	Phòng Nghiệp vụ	
40	17	28/11/2023	122	21/02/2024	Chủ động	150.000	-	150.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/12/2024	18/01/1900	19/06/2024	20/06/2025		Nguyễn Khuông	Phòng Nghiệp vụ	
41	16	28/11/2023	126	21/02/2024	Chủ động	232.309	-	232.309	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/04/2025	13/01/1900	24/04/2024	25/04/2025		Nguyễn Khuông	Phòng Nghiệp vụ	
42	16	28/12/2023	139	27/02/2024	Chủ động	53.310	-	53.310	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/08/2025	21/01/1900	07/08/2024	07/08/2025		Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ	
II.1	Các Khu vực		167	167	167	34.322.209	3.544.524	30.777.685	167	167	166	166	166	5	167	154	
II.1	Khu vực 1		71	71	71	27.674.862	3.294.651	24.380.211	71	71	71	71	71	3	71	71	
1	61	30/09/2021	49	10/11/2021	Chủ động	1.754	-	1.754	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/12/2023	02	01/12/2021	01/12/2022		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV 1	
2	249	29/09/2017	226	07/06/2023	Theo yêu cầu	48.000	-	48.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/06/2024	04	26/06/2023	26/06/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
3	01	07/04/2023	183	13/03/2024	Theo yêu cầu	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/04/2025	05	10/04/2024	11/04/2025		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
4	12	26/12/2014	131	27/05/2016	Theo yêu cầu	1.263.935	-	1.263.935	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/09/2019	03	28/03/2017	28/03/2018		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
5	28	10/05/2017	210	20/05/2017	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/04/2019	09	14/06/2019	14/06/2020		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
6	02	10/10/2019	99	18/12/2019	Theo yêu cầu	38.000	-	38.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2021	04	19/06/2020	19/06/2021		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
7	02	10/10/2019	136	11/02/2020	Theo yêu cầu	60.072	-	60.072	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2021	05	19/06/2020	19/06/2021		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
8	02	27/11/2019	160	19/03/2020	Theo yêu cầu	5.000	-	5.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	08/03/2021	09	10/08/2020	10/08/2021		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
9	27	27/03/2020	305	29/05/2017	Theo yêu cầu	18.444	-	18.444	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/11/2019	14	20/07/2017	20/07/2018		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
10	03	18/01/2022	149	23/03/2022	Theo yêu cầu	116.500	-	116.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/04/2023	02	05/01/2023	05/01/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
11	02	23/03/2023	08	03/10/2023	Chủ động	17.838	-	17.838	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/12/2024	01	26/12/2023	31/12/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
12	62	25/09/2023	58	01/11/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/06/2025	09	02/07/2024	04/07/2025		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
13	02	24/01/2024	150	29/01/2024	Chủ động	1.103	-	1.103	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/06/2025	10	03/07/2024	04/07/2025		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
14	01	13/05/2024	266	13/06/2024	Theo yêu cầu	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/09/2025	14	09/09/2024	09/09/2025		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
15	20	24/04/2005	41	23/12/2019	Theo yêu cầu	7.900	-	7.900	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/04/2023	04	09/09/2021	10/04/2023		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
16	04	29/09/2021	10	18/10/2021	Chủ động	13.703	-	13.703	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/10/2024	01	10/03/2022	09/10/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
17	02	12/05/2021	33	08/11/2021	Theo yêu cầu	52.000	-	52.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/05/2024	07	15/06/2022	17/05/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
18	09	15/03/2016	80	04/05/2021	Theo yêu cầu	207.200	-	207.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/11/2022	02	25/08/2021	25/11/2022		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
19	09	08/11/2021	61	24/01/2022	Chủ động	87.608	-	87.608	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/04/2024	02	25/04/2022	25/04/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
20	51	28/09/2021	92	16/05/2022	Chủ động	137.544	-	137.544	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/06/2024	06	03/06/2022	03/06/2024		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
21	03	19/08/2022	71	01/12/2022	Theo yêu cầu	4.396.203	-	4.396.203	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2024	2/26/2024	26/02/2024	12/12/2024	x	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
22	35	21/04/2016	01	03/10/2016	Chủ động	2.500	-	2.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/11/2018	01/QĐ-CCTHADS	22/11/2016	22/11/2016		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
23	27/HSST	17/04/2017	102	07/05/2018	Theo yêu cầu	35.000	-	35.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/08/2021	01/QĐ-CCTHADS	15/08/2018	20/06/2020		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
24	01/DS	10/05/2019	120	14/07/2021	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/08/2022	03/QĐ-CCTHADS	30/08/2021	02/08/2022		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
25	01/DS	10/05/2019	111	20/05/2019	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/08/2021	02/QĐ-CCTHADS	10/09/2024	30/08/2021		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
26	19/HSST	23/06/2010	22	23/11/2010	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/07/2022	05/QĐ-CCTHADS	14/07/2019	14/07/2022		Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1	
27	52	24/09/2017	39	02/11/2017	Chủ động	10.800	200	10.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/05/2021	1	17/11/2017	18/11/2019		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
28	122	30/11/2018	150	19/02/2019	Chủ động	12.200	3.950	8.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/08/2020	11	06/08/2019	06/08/2020		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
29	34	22/10/2019	85	28/11/2019	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	05/04/2024	1	10/12/2019	10/12/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
30	29	10/07/2012	106	13/02/2017	Theo yêu cầu	56.000	5.000	51.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/03/2022	4	18/04/2018	18/04/2019		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
31	3	08/06/2020	247	12/06/2020	Chủ động	4.018	-	4.018	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2021	7	29/06/2020	29/06/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
32	29	17/08/2020	370	23/09/2020	Chủ động	20.200	2.700	17.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/04/2022	7	15/04/2021	16/04/2022		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
33	44	30/09/2020	40	09/11/2020	Chủ động	4.000	-	4.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/11/2021	1	24/11/2020	24/11/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
34	6	23/10/2020	75	08/12/2020	Chủ động	675	-	675	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/12/2021	2	22/12/2020	22/12/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
35	2	11/05/2021	239	15/06/2021	Chủ động	24.401	10.000	14.401	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/01/2023	3	13/01/2022	13/01/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
36	3	18/01/2022	129	23/02/2022	Chủ động	5.850	-	5.850	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/03/2023	4	09/03/2022	10/03/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển sổ theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
37	7	10/05/2022	266	21/06/2022	Chủ động	15.493	-	15.493	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/07/2023	9	08/07/2022	09/07/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
38	36	25/05/2022	286	05/07/2022	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/07/2023	10	20/07/2022	20/07/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
39	5	17/01/2020	117	11/01/2021	Theo yêu cầu	21.244	-	21.244	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/01/2022	3	25/01/2021	25/01/2022		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
40	7	10/05/2022	279	05/07/2022	Theo yêu cầu	309.866	-	309.866	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/07/2023	11	22/07/2022	22/07/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
41	2	11/05/2021	247	23/06/2021	Theo yêu cầu	510.030	-	510.030	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/01/2023	8	07/07/2021	08/07/2022		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
42	11	12/03/2014	5	04/10/2016	Theo yêu cầu	36.000	3.000	33.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/03/2019	3	21/03/2018	22/03/2019		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
43	57	19/09/2014	15	05/10/2016	Theo yêu cầu	53.250	-	53.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/12/2018	13	19/07/2017	19/07/2018		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
44	1	03/07/2014	199	29/05/2017	Theo yêu cầu	15.648.476	3.100.000	12.548.476	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/08/2018	19	28/08/2017	28/08/2018	x	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
45	11	17/04/2017	211	09/06/2017	Theo yêu cầu	44.303	12.000	32.303	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/01/2019	15	27/07/2017	29/07/2019		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
46	1	04/12/2016	75	21/12/2016	Chủ động	45.900	-	45.900	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/08/2024	8	02/06/2017	03/06/2019		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
47	1	04/12/2016	104	11/12/2018	Theo yêu cầu	1.130.000	-	1.130.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/08/2024	3	02/01/2019	02/01/2020		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
48	08	14/04/2014	203	30/06/2014	Chủ động	13.950	6.102	7.848	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	05/06/2021	12	28/07/2016	28/07/2017		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
49	27	03/04/2014	176	24/06/2015	Chủ động	12.770	-	12.770	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/11/2019	06	21/08/2015	21/08/2016		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
50	48	15/08/2023	321	15/09/2023	Chủ động	418.106	141.421	276.685	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/12/2024	02	26/12/2023	26/12/2024		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
51	01	28/09/2020	35	05/11/2020	Theo yêu cầu	130.000	-	130.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	04/01/2022	06	02/04/2021	02/04/2022		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
52	41	30/09/2016	239	19/06/2019	Theo yêu cầu	9.000	-	9.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/07/2021	08	27/07/2020	27/07/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
53	01	27/08/2018	110	26/12/2019	Theo yêu cầu	183.048	-	183.048	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2021	06	19/06/2020	19/06/2021		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
54	27	03/04/2014	198	29/05/2017	Theo yêu cầu	248.054	-	248.054	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/03/2019	14	20/07/2017	20/07/2018		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
55	08	05/01/2023	126	10/02/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/03/2023	04	06/03/2024	06/03/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
56	08	05/01/2023	117	10/02/2023	Chủ động	29.000	-	29.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/04/2024	08	12/04/2024	14/04/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
57	08	05/01/2023	125	10/02/2023	Chủ động	8.000	-	8.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/03/2025	06	11/04/2024	11/04/2024		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
58	24	27/04/2023	235	13/06/2023	Theo yêu cầu	29.011	-	29.011	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/06/2025	07	05/07/2023	07/07/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
59	13	24/01/2024	65	01/03/2024	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/09/2025	10	20/09/2024	22/09/2022		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
60	08	05/01/2023	58	21/02/2023	Chủ động	16.600	-	16.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/10/2024	02	17/08/2023	09/10/2024		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
61	9	29/06/2021	131	05/08/2021	Theo yêu cầu	68.925	2.000	66.925	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/01/2025	01	18/01/2025	17/01/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
62	04	29/09/2021	11	04/10/2022	Theo yêu cầu	818.050	2.000	816.050	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/03/2025	03	22/03/2024	24/03/2025	x	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
63	21	20/12/2022	62	23/02/2023	Theo yêu cầu	58.900	-	58.900	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/03/2025	05	22/03/2024	24/03/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
64	08	05/01/2023	65	10/03/2023	Chủ động	60.000	2.000	58.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/03/2025	04	22/03/2024	24/03/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
65	35	21/05/2021	98	26/07/2021	Chủ động	210.278	4.278	206.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/05/2025	40	15/06/2022	19/06/2023		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
66	65	12/08/2022	78	03/01/2023	Chủ động	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	08/04/2024	5	11/04/2023	11/04/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
67	62	25/09/2023	35	27/11/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/12/2024	01	03/01/2024	03/01/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
68	01	08/09/2022	27	23/10/2024	Chủ động	9.000	-	9.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/12/2024	01	03/01/2024	03/01/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
69	01	17/03/2021	9	18/10/2021	Theo yêu cầu	39.000	-	39.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/02/2026	8	11/04/2023	20/01/2026		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
70	05	21/03/2024	323	12/08/2024	Theo yêu cầu	644.060	-	644.060	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/12/2024	01	03/01/2024	03/01/2025		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
71	01	16/04/2024	141	16/07/2024	Chủ động	4.100	-	4.100	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/02/2026	01	19/02/2025	23/02/2026		Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1	
II.2	Khu vực 2		57	57	57	3.434.744	-	3.434.744	57	57	57	57	57	1	57	57	-
1	08/2014/QĐST-DS	01/07/2014	244	01/07/2015	Theo yêu cầu	141.275	-	141.275	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/09/2020	01	04/01/2017	05/01/2018		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	01/2017/QĐST-KDTM	19/05/2017	04	05/10/2017	Theo yêu cầu	824.355	-	824.355	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/07/2020	05	04/12/2017	10/05/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	16/2017/HS-ST	03/03/2017	307	19/07/2017	Theo yêu cầu	90.275	-	90.275	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2019	09	11/08/2017	21/06/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	16/2017/HS-ST	03/03/2017	309	19/07/2017	Theo yêu cầu	6.880	-	6.880	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2019	10	11/08/2017	21/06/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	16/2017/HS-ST	03/03/2017	308	19/07/2017	Theo yêu cầu	4.320	-	4.320	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2019	12	11/08/2017	21/06/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	152/2023/HSS T	27/09/2023	117	03/01/2024	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/02/2025	04	27/02/2024	28/02/2025		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
7	45/2018/HS-ST	10/09/2018	38	02/11/2018	Theo yêu cầu	62.000	-	62.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/05/2020	08	15/07/2019	03/08/2020		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
8	03/2013/QĐST-DS	26/07/2013	277	20/07/2015	Theo yêu cầu	156.000	-	156.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/12/2018	01	03/11/2017	02/01/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
9	07/2016/QĐST-DS	26/02/2016	68	08/12/2017	Theo yêu cầu	32.140	-	32.140	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/04/2019	05	30/01/2018	17/04/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
10	01/2017/QĐST-KDTM	19/05/2017	04	05/10/2017	Chủ động	9.183	-	9.183	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/07/2020	03	04/12/2017	10/05/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
11	09/2015/QĐST-DS	10/04/2015	34	14/10/2016	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/11/2020	01	14/02/2019	30/11/2020		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
12	04/2014/QĐST-DS	05/03/2014	171	14/02/2017	Theo yêu cầu	38.755	-	38.755	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/09/2020	08	17/03/2020	19/03/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
13	04/2019/QĐST-DS	21/06/2019	15	07/10/2019	Theo yêu cầu	13.000	-	13.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	22/04/2021	04	26/02/2020	26/04/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
14	07/2018/QĐST-DS	14/08/2018	65	07/12/2018	Theo yêu cầu	27.104	-	27.104	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/05/2021	06	18/05/2020	24/05/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
15	07/2018/HS-ST	01/08/2018	229	23/08/2018	Theo yêu cầu	175.000	-	175.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/06/2020	03	27/05/2019	03/06/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
16	05/2020/QĐST-DS	15/07/2020	242	27/07/2020	Chủ động	4.375	-	4.375	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/11/2021	01	08/10/2020	04/10/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
17	05/2020/QĐST-DS	15/07/2020	44	02/11/2020	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/11/2021	02	24/11/2020	25/11/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
18	21/2021/HS-ST	08/01/2021	110	22/02/2021	Chủ động	20.194	-	20.194	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/03/2021	07	12/03/2021	20/04/2022		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
19	21/2021/HS-ST	08/01/2021	114	22/02/2021	Chủ động	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/03/2021	08	12/03/2021	20/04/2021		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
20	52/2017/HS-ST	30/03/2017	58	10/11/2020	Theo yêu cầu	3.850	-	3.850	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/12/2021	04	03/12/2020	17/06/2022		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
21	52/2017/HS-ST	30/03/2017	59	10/11/2020	Theo yêu cầu	3.360	-	3.360	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/12/2021	05	03/12/2020	17/06/2022		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
22	10/2018/QĐST-DS	18/10/2018	66	07/12/2018	Theo yêu cầu	56.000	-	56.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/04/2021	11	16/06/2021	17/06/2022		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
23	01/2019/QĐST-DS	19/12/2019	185	05/05/2020	Theo yêu cầu	3.000	-	3.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/04/2021	12	16/06/2021	17/06/2022		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
24	43/2020/HS-ST	18/09/2020	34	27/10/2020	Chủ động	5.613	-	5.613	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/12/2022	03	26/11/2020	16/01/2023		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
25	48/2020/HS-ST	29/09/2020	62	24/11/2020	Theo yêu cầu	77.000	-	77.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/12/2022	06	18/12/2020	16/01/2023		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
26	110/2012/HSS T	29/09/2012	161	10/03/2020	Theo yêu cầu	151.575	-	151.575	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/12/2018	01	03/11/2017	02/01/2019		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
27	43/2023/HS-ST	01/03/2023	164	19/04/2023	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/05/2023	04	11/05/2023	11/10/2024		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
28	21/2022/QĐST-DS	22/03/2022	178	09/05/2023	Theo yêu cầu	453.000	-	453.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/05/2023	05	30/05/2023	03/07/2024		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
29	01/2023/QĐCN HGT-DS	05/05/2023	31	19/10/2023	Theo yêu cầu	113.000	-	113.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/03/2024	05	12/09/2024	13/09/2025		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
30	112/2023/HS-ST	22/08/2023	30	19/10/2023	Theo yêu cầu	18.000	-	18.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/03/2026	01	20/11/2023	16/03/2026		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 3	
31	06/QĐST-DS	06/06/2017	163	09/07/2018	Theo yêu cầu	40.000	-	40.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/09/2018	19	27/09/2018	27/09/2019		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
32	566/HSPT	24/08/2017	15	06/03/2017	Chủ động	2.104	-	2.104	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/05/2019	03	21/11/2017	10/05/2019		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
33	03/HSPT	26/01/2016	102	02/06/2016	Chủ động	2.116	-	2.116	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/05/2023	02	21/11/2016	10/12/2017		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	10/HSST	05/03/2016	124	06/07/2016	Theo yêu cầu	208.957	-	208.957	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/05/2023	07	17/04/2018	17/05/2019		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
35	143/HSST	18/10/1999	11	01/04/2009	Chủ động	19.980	-	19.980	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/05/2023	04	07/04/2015	10/05/2016		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
36	153/HSPT	24/08/2010	58	04/02/2011	Chủ động	8.800	-	8.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/08/2022	16	17/09/2015	17/10/2016		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
37	01/2017/DSST	20/07/2017	12	05/10/2017	Theo yêu cầu	21.883	-	21.883	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/08/2022	05	12/12/2017	20/08/2018	x	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
38	01/DSST	30/08/2019	25	11/10/2019	Chủ động	4.050	-	4.050	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	08/05/2022	01	08/11/2019	18/12/2020		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
39	13/HSST	30/05/2019	111	17/07/2019	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/05/2021	08	04/09/2019	15/09/2020		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
40	13/HSST	30/05/2019	112	17/07/2019	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/05/2021	09	04/09/2019	15/09/2020		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
41	13/HSST	30/05/2019	113	17/07/2019	Chủ động	8.800	-	8.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	22/03/2021	10	04/09/2019	15/09/2020		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
42	13/HSST	30/05/2019	110	17/07/2019	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/09/2021	13	10/09/2019	15/09/2020		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
43	37/HSST	20/09/2019	62	25/12/2019	Chủ động	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/04/2021	04	06/05/2020	08/05/2021		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
44	08/DSPT	16/09/2015	01	02/10/2015	Chủ động	25.500	-	25.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/08/2021	02	21/02/2020	21/03/2021		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
45	10/DSST	18/12/2014	129	02/10/2015	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/08/2018	14	17/08/2016	20/09/2017		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
46	03/QĐST-DS	06/04/2017	59	30/01/2018	Theo yêu cầu	10.600	-	10.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/12/2019	04	13/12/2018	18/12/2019		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
47	05/QĐST-DS	30/05/2018	82	13/03/2024	Theo yêu cầu	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/09/2019	18	27/09/2018	27/09/2019		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
48	04/2016/QĐST-DS	27/09/2016	62	01/03/2017	Theo yêu cầu	26.000	-	26.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/01/2026	04	20/05/2022	30/01/2026		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
49	30/2021/HSST	06/01/2021	101	02/04/2021	Chủ động	950	-	950	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/02/2026	04	08/06/2021	03/02/2026		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
50	32/2013/HSST	01/03/2013	147	12/07/2021	Theo yêu cầu	11.200	-	11.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	29/01/2026	08	17/05/2021	30/01/2026		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
51	31/2020/HSST	24/08/2020	43	16/11/2020	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	04/02/2026	07	08/08/2022	05/02/2026		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
52	49/2021/HSST	14/06/2021	178	02/08/2021	Theo yêu cầu	80.000	-	80.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	04/02/2026	02	01/08/2023	05/02/2026		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
53	06/2016/HSST	18/01/2016	75	22/02/2016	Chủ động	5.650	-	5.650	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/08/2019	12	01/09/2016	28/08/2019		Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
54	58/2012/HSST	26/02/2012	118	18/07/2017	Theo yêu cầu	6.400	-	6.400	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/06/2025	07	11/06/2024	10/05/2025		Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
55	01/2019/HSST	17/12/2019	82	09/03/2020	Chủ động	4.500	-	4.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	08/07/2024	01	01/06/2021	09/07/2024		Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
56	26/2022/HNGĐ-ST	08/09/2022	157	24/04/2023	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/01/2026	01	15/05/2023	05/02/2026		Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
57	09/2020/HSST	27/04/2020	51	31/10/2023	Theo yêu cầu	208.500	-	208.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/01/2026	05	23/02/2024	05/02/2026		Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
II.3	Khu vực 3		26	26	26	2.190.665	249.873	1.940.792	26	26	25	25	25	-	26	26	-
1	25	28/02/2017	17	19/05/2017	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	01/03/2024	1/31/1900	08/06/2017	03/07/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
2	25	27/12/2017	11	11/04/2018	Theo yêu cầu	40.000	1.000	39.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	05/08/2025	07	04/06/2018	03/07/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
3	97	22/05/2015	04	13/01/2016	Theo yêu cầu	38.378	-	38.378	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/04/2024	05	07/03/2016	03/07/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
4	30	19/01/2011	35	02/01/2016	Chủ động	25.400	17.522	7.878	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/01/2025	0 1	06/12/2019	09/12/2021		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
5	76	26/07/2022	193	13/09/2022	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/04/2024	0 1	03/10/2022	06/10/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
6	04	24/02/2022	121	06/05/2022	Chủ động	79.800	-	79.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/04/2024	06	25/05/2022	25/05/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
7	08	10/11/2015	05	13/01/2016	Theo yêu cầu	93.160	-	93.160	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/06/2022	04	25/01/2016	03/07/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
8	01	14/10/2021	14	15/03/2022	Theo yêu cầu	222.450	-	222.450	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/06/2023	08	20/06/2022	20/06/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
9	02	06/04/2021	08	26/05/2021	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/08/2025	08	14/06/2021	14/06/2023		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
10	29	16/06/2021	02	04/10/2021	Chủ động	245.400	125.000	120.400	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/04/2023	01	22/11/2021	18/05/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
11	26	29/11/2022	90	09/01/2023	Chủ động	1.500	-	1.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/07/2023	06	22/05/2023	23/04/2024		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
12	09	27/11/2013	103	13/03/2014	Chủ động	81.000	66.869	14.131	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	03/01/2025	1/21/1900	19/08/2015	16/08/2021		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
13	48	14/04/2021	118	22/04/2021	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/05/2022	07	14/05/2021	16/05/2022		Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
14	51	13/06/2013	10	21/06/2021	Theo yêu cầu	60.000	-	60.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/04/2024	09	12/07/2021	15/07/2022		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
15	19	28/11/2017	08	07/02/2020	Theo yêu cầu	20.580	-	20.580	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/01/2023	05	25/02/2020	26/02/2021		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
16	01	14/10/2021	10	20/10/2021	Chủ động	5.561	-	5.561	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	05/06/2023	09	06/07/2022	07/07/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
17	62	24/09/2021	33	09/11/2021	Chủ động	7.290	4.574	2.716	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/06/2024	2/10/1900	21/06/2023	21/06/2024		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
18	14	02/03/2016	75	14/02/2017	Chủ động	14.208	4.708	9.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/02/2022	0 6	06/03/2020	06/03/2021		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
19	14	02/03/2016	11	14/02/2017	Theo yêu cầu	610.400	-	610.400	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/02/2022	1/20/1900	03/03/2017	03/03/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
20	457	28/08/2012	128	03/07/2017	Chủ động	10.400	-	10.400	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	28/04/2022	2/5/1900	01/08/2017	03/07/2020		Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	
21	60	30/06/2021	201	16/08/2021	Chủ động	301.500	30.200	271.300	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/06/2022	1/10/1900	31/08/2021	31/08/2022		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
22	05	08/12/2021	63	20/12/2021	Chủ động	7.168	-	7.168	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/12/2022	04	13/01/2022	14/01/2023		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	

Số TT	Số Bản án của Tòa án	Ngày, tháng, năm ra Bản án của Tòa án	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Số Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm chuyển số theo dõi riêng	Án tin dụng ngân hàng	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
23	60	26/05/2022	21	21/07/2022	Theo yêu cầu	182.150	-	182.150	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/06/2024	1/10/1900	05/08/2022	05/08/2024		Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
24	77	06/09/2014	54	16/03/2016	Chủ động	68.820	-	68.820	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/09/2025					Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
25	35	26/08/2021	20	13/10/2021	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	22/05/2025	02	03/12/2021	12/12/2022		Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
26	35	26/08/2021	21	13/10/2021	Theo yêu cầu	5.000	-	5.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/05/2025	01	08/11/2021	24/10/2022		Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
II.4	Khu vực 4		13	13	13	1.021.938	-	1.021.938	13	13	13	13	13	1	13	-	-
1	02/2020/DS-ST	8/20/2020	38	12/14/2020	Theo yêu cầu	145.000	-	145.000	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	5/4/2024	02	4/8/2021	6/20/2023		Đèo Văn Minh		
2	303/2021/HSS T	12/7/2021	122	3/16/2022	Chủ động	3.700	-	3.700	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/2/2024	01	5/23/2022	5/26/2022		Đèo Văn Minh		
3	01/2017/QĐST-DSST	12/22/2017	02	10/5/2018	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/4/2024	01	1/28/2021	5/18/2022		Nguyễn Nam Cường		
4	19/2019/HSST	4/17/2019	03	10/9/2019	Chủ động	5.200	-	5.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/26/2024	01	10/25/2019	6/10/2021		Nguyễn Nam Cường		
5	17/2022/QĐST-NHGD	6/6/2022	04	10/26/2022	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	5/23/2024	01	11/7/2022	5/24/2024		Nguyễn Nam Cường		
6	01/2019/QĐST-DS	7/1/2019	69	1/9/2020	Theo yêu cầu	300.000	-	300.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/3/2024	02	5/25/2022	4/25/2023		Nguyễn Nam Cường		
7	09/2020/HSST	12/24/2020	80	23/2/2021	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/3/2026	05	4/25/2024	18/3/2026		Nguyễn Nam Cường		
8	04/2016/HSPT-QĐ	11/28/2016	136	4/5/2024	Theo yêu cầu	169.238	-	169.238	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/3/2026	07	03/5/2024	17/3/2026		Nguyễn Nam Cường		
9	30/2021/HSST	5/26/2021	30	1/17/2022	Chủ động	6.200	-	6.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/2/2023	01	6/8/2022	6/12/2023		Chu Gó Xê		
10	01/2020/QĐST-DS	3/10/2020	16	12/2/2020	Theo yêu cầu	100.000	-	100.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/20/2022	01	1/22/2021	1/24/2022		Chu Gó Xê		
11	01/2014/DSST	10/29/2014	65	7/13/2016	Theo yêu cầu	40.000	-	40.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/28/2018	02	8/4/2016	8/4/2017		Chu Gó Xê		
12	02/2020/QĐST-DS	5/27/2020	59	18/6/2021	Theo yêu cầu	9.100	-	9.100	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/16/2024	02	7/12/2021	7/13/2022	x	Chu Gó Xê		
13	01/2014/DSST	10/23/2014	64	7/13/2016	Theo yêu cầu	13.000	-	13.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/28/2018	01	8/4/2016	8/4/2017		Chu Gó Xê		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Lê Thị Kim Sinh

Trần Công Hường

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

THỐNG KÊ THEO LOẠI VIỆC VÀ THEO LÝ DO CHƯA THI HÀNH
06 THÁNG NĂM 2026

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Chưa có điều kiện thi hành án (loại việc)	209	70.407.594	3.544.524	66.863.070
1.1	Chủ động	95	6.706.130	419.524	6.286.606
1.2	Theo yêu cầu	114	63.701.464	3.125.000	60.576.464
2	Chưa có điều kiện thi hành án (lý do)	209	70.407.594	3.544.524	66.863.070
2.1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	206	70.222.194	3.544.524	66.677.670
2.2	Điểm b Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-
2.3	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	3	185.400	-	185.400
3	Án tín dụng ngân hàng	5	20.893.712	3.102.000	17.791.712

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Công Hường